

Số: 168 /DVCI.TV

Bình Chánh, ngày 07 tháng 04 năm 2015

V/v Đề nghị thẩm định Báo cáo  
giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả  
hoạt động của doanh nghiệp năm 2014.

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh
- Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Bình Chánh

Căn cứ Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ “Về việc ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước”;

Căn cứ thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài Chính “Hướng dẫn một số nội dung về giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước”;

Căn cứ Quyết định số 3312/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh “Về ban hành Quy định cơ chế phối hợp giám sát tài chính đối với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân Thành phố làm chủ sở hữu, Quỹ Phát triển nhà ở Thành phố, Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa Thành phố”;

Căn cứ Quyết định số 6186/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh “Về việc ủy quyền một số quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dịch vụ công ích quận – huyện”;

Căn cứ Quyết định số 1322/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ngày 27 tháng 3 năm 2015 “Sửa đổi, bổ sung Quy định cơ chế phối hợp giám sát tài chính đối với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân Thành phố làm chủ sở hữu, Quỹ Phát triển nhà ở Thành phố, Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa Thành phố”;

Hàng năm doanh nghiệp căn cứ vào các quy định về giám sát và hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động, căn cứ tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh để tự đánh giá, xếp loại cho doanh nghiệp; kết quả quản lý, điều hành của viên chức quản lý doanh nghiệp để đại diện Chủ sở hữu thẩm định.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dịch vụ Công ích huyện Bình Chánh (sau đây gọi tắt là Cty DVCI.BC) đã thực hiện Báo cáo đánh giá

hiệu quả và xếp loại doanh nghiệp năm 2014 kính trình Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh thực hiện giám sát theo quy định.

Theo yêu cầu của Chi Cục Tài chính doanh nghiệp thành phố Hồ Chí Minh (là đại diện Chủ sở hữu), Cty DVCI.BC kính trình Ủy Ban Nhân Dân huyện Bình Chánh thẩm định và có ý kiến xác nhận trên các biểu mẫu báo cáo giám sát và xếp loại năm 2014 của doanh nghiệp để Cty DVCI.BC gửi cho Chi Cục Tài chính doanh nghiệp Thành phố trước ngày 30 tháng 4 năm 2015 theo quy định.

Cty DVCI.BC xin hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với các số liệu trong Báo cáo tài chính, Báo cáo giám sát và đánh giá xếp loại doanh nghiệp năm 2014.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP, TV./

Đính kèm:

- Báo cáo tài chính 2014 (01 bản)
- BC đánh giá xếp loại DN 2014 (12 bản)



**TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng giá trị vốn đầu tư			Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động			Thực hiện đến ngày 31/12/2013 (Triệu đồng)			Giải ngân đến ngày 31/12/2014			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng (Triệu đồng)		
			Vốn tự có	%	Vốn huy động		%	Tổng	Bên cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày	Kỳ trước chuyển sang		Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
A	Các dự án nhóm A																	
1	Không có																	
2	Các dự án nhóm B																	
1	Không có																	
2	Các dự án khác																	
C	Không có																	

Ghi chú: Số liệu từ cột (2) đến (12) theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền.

Hội đồng thành viên

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hạng



Phan Thị Thanh Hương

TM.UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hồng

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN BÌNH CHÁNH

**TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VỐN RA NGOÀI DOANH NGHIỆP NĂM 2014**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

TT	Chỉ tiêu	Giá trị đầu tư (01/01/2014)	Phát sinh		Giá trị đầu tư (31/12/2014)	Tỷ lệ vốn góp (%)	Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia của năm báo cáo	Tỷ lệ LN được chia trên vốn đầu tư (%)
			Tăng	Giảm				
1	2	3	4	5	6	7	8	9
A	Đầu tư vào ngành nghề kinh doanh chính							
I	Đầu tư vào công ty con							
	Không có							
II	Đầu tư vào công ty liên kết							
	Không có							
III	Đầu tư tài chính khác							
	Không có							
B	Đầu tư vào ngành nghề khác							
I	Đầu tư vào công ty con							
	Không có							
II	Đầu tư vào công ty liên kết							
	Không có							
III	Đầu tư tài chính khác							
	Không có							

Ghi chú: Thông tin lấy từ báo cáo tài chính của công ty mẹ. Chỉ tiêu (8): Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia của năm báo cáo căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên của doanh nghiệp có vốn góp.

Hội đồng thành viên

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hạng



Phan Thị Thanh Hương

TM.UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hồng

## TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2014

(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

Nội dung	ĐVT	Cùng kỳ năm 2012		Cùng kỳ năm 2013	Thực hiện năm 2014		Biến động so với (tỷ lệ %)	
		[1]	[2]		Kế hoạch năm [3]	Thực hiện năm [4]	Cùng kỳ năm 2012 năm 2012 [5]=[4]/[1]	Cùng kỳ năm 2013 năm 2013 [6]=[4]/[2]
<b>A. Chi tiêu sản xuất kinh doanh</b>								
1. Sản lượng dịch vụ công ích chủ yếu								
- Vận chuyển rác	T.Km	2,106,530	2,198,583	2,198,583	2,198,583	2,249,444	106.78	102.31
- Quét, thu gom rác	m2	432,058,300	433,917,661	433,917,661	433,917,661	443,751,867	102.71	102.27
- Chăm sóc thảm cỏ & bồn hoa	m2	368,976	335,346	335,346	335,346	319,596	86.62	95.30
- Chăm sóc cây xanh & kiếng	cây	2,374	2,234	2,234	2,234	2,195		98.25
- Quản lý cầu đường không vật tư	Km	192,905	277,945	277,945	255,923	255,740	132.57	92.01
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu								
3. Tồn kho cuối kỳ								
<b>B. Chi tiêu tài chính</b>								
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	đồng	94,659,169,662	105,083,606,600	105,083,606,600	108,852,000,000	115,733,878,368	122.26	110.14
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	đồng	132,293,572	12,304,991	12,304,991	-	-	-	-
3. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	đồng	94,526,876,090	105,071,301,609	105,071,301,609	108,852,000,000	115,733,878,368	122.43	110.15
4. Giá vốn hàng bán	đồng	82,779,396,591	94,441,171,147	94,441,171,147	97,482,000,000	104,812,113,390	126.62	110.98
5. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	đồng	11,747,479,499	10,630,130,462	10,630,130,462	11,370,000,000	10,921,764,978	92.97	102.74
6. Doanh thu hoạt động tài chính	đồng	107,763,800	83,660,837	83,660,837	100,000,000	38,661,400	35.88	46.21
7. Chi phí tài chính	đồng							
8. Chi phí bán hàng	đồng							

Nội dung	ĐVT	Cùng kỳ năm 2012		Cùng kỳ năm 2013	Thực hiện năm 2014		Biến động so với (tỷ lệ %)	
		[1]	[2]		Kế hoạch năm [3]	Thực hiện năm [4]	Cùng kỳ năm 2012 năm 2012 [5]=[4]/[1]	Cùng kỳ năm 2013 năm 2013 [6]=[4]/[2]
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	đồng	5,899,207,794	5,701,524,279	5,701,524,279	6,540,000,000	6,472,895,186	109.72	113.53
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	đồng	5,956,035,505	5,012,267,020	5,012,267,020	4,930,000,000	4,487,531,192	75.34	89.53
11. Thu nhập khác	đồng	378,334,812	-	-	-	891,803,688	235.72	
12. Chi phí khác	đồng	-	5,666,166	5,666,166	-	70,000,000		1,235.40
13. Lợi nhuận khác	đồng	378,334,812	(5,666,166)	(5,666,166)	-	821,803,688	217.22	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	đồng	6,334,370,317	5,006,600,854	5,006,600,854	4,930,000,000	5,309,334,880	83.82	106.05
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	đồng	1,153,757,226	1,256,912,309	1,256,912,309	1,084,600,000	1,203,618,853	104.32	95.76
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	đồng							
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	đồng	5,180,613,091	3,749,688,545	3,749,688,545	3,845,400,000	4,105,716,027	79.25	109.49

**Ghi chú:** Sản lượng thực hiện Quản lý cầu đường không vật tư (Km) giảm so với kế hoạch do giảm trừ diện tích cầu đường đưa vào sửa chữa trong năm 2014)

Hội đồng thành viên



Nguyễn Văn Hạng

Kế toán trưởng

Giám đốc doanh nghiệp



Phan Thị Thanh Hương

TM.UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hồng

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH NĂM 2014**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm trước	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ so với KH	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước
1. Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm						
- Vận chuyển rác	T.Km	2,198,583	2,198,583	2,249,444	102.31	102.31
- Quét, thu gom rác	m2	433,917,661	433,917,661	443,751,867	102.27	102.27
- Chăm sóc thảm cỏ & bồn hoa	m2	335,346	335,346	319,596	95.30	95.30
- Chăm sóc cây xanh & kiếng	cây	2,234	2,234	2,195	98.25	98.25
- Quản lý cầu đường không vật tư	Km	277.945	255.923	255.740	99.93	92.01
2. Khối lượng, sản lượng sản phẩm, dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu		Không có	Không có	Không có		
3. Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu		Không có	Không có	Không có		
4. Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm	tr.đ	67,003	82,200	85,880	104.48	128.17
5. Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm	tr.đ	76,499	85,793	89,869	104.75	117.48

Hội đồng thành viên  
 CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN BÌNH CHÁNH  
 Nguyễn Văn Hạnh

Kế toán trưởng  
 Phan Thị Thanh Hương

Giám đốc doanh nghiệp  
 CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN BÌNH CHÁNH  
 Lý Minh Sơn

TM.UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH  
 KT.CHỦ TỊCH  
 PHÓ CHỦ TỊCH  
 Nguyễn Văn Hồng

**TÌNH HÌNH CHẤP HÀNH CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT NĂM 2014**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

Nội dung	Có	Không
1. Trong năm vừa qua, doanh nghiệp có tuân thủ (không bị xử phạt hành chính) và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản thu nộp ngân sách hay không?	x	
2. Doanh nghiệp có tuân thủ đầy đủ (có quy trình, nhân viên được đào tạo và phổ biến về quy trình, không bị xử phạt hành chính và/hoặc trên hành chính, ...) các quy định về an toàn vệ sinh môi trường và xử lý chất thải không?	x	
3. Doanh nghiệp có thực hiện đầy đủ chế độ chính sách (chế độ tiền lương, BHXH, BHYT, v.v...) cho người lao động hay không?	x	
4. Doanh nghiệp có bị lập biên bản vi phạm hành chính nào khác liên quan đến việc chấp hành chế độ, chính sách, pháp luật không?	x	

Ghi chú: Doanh nghiệp trình bày cụ thể và giải thích các điểm đánh dấu "Không"

Công ty bị phạt hành chính về việc mất 01 hóa đơn mua hàng: mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu MH/11P, số hóa đơn 0001015 - mất liên 2 đã sử dụng. Số tiền phạt: 2,5 triệu đồng theo quyết định số: 4694/QĐ-CT-XP của Cục thuế Tp.HCM ngày 29/09/2014.

Hội đồng thành viên  
 CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN BÌNH CHÁNH  
 Nguyễn Văn Hạnh

Kế toán trưởng  
 Phan Thị Thanh Hương

Giám đốc doanh nghiệp  
 CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN BÌNH CHÁNH  
 Lý Minh Sơn

TM.UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH  
 KT.CHỦ TỊCH  
 PHÓ CHỦ TỊCH  
 Nguyễn Văn Hồng

**TÌNH HÌNH BẢO TOÀN VỐN VÀ PHÁT TRIỂN VỐN NĂM 2014**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	ĐVT	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Hệ số bảo toàn vốn
<b>A. Vốn chủ sở hữu, trong đó:</b>		8.383	8.588	1,02
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu (trừ nhà SHNN)	triệu đồng	6.658	6.658	1,00
2. Quỹ đầu tư phát triển	triệu đồng	1.725	1.930	1,12
3. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	triệu đồng			
<b>B. Tổng tài sản</b>	triệu đồng	43.590	53.670	
<b>C. Lợi nhuận sau thuế</b>	triệu đồng	X	4.106	
<b>D. Hiệu quả sử dụng vốn</b>				
1. Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH (ROA)	lần	X	0,48	X
2. Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROE)	lần	X	0,08	X

Hội đồng thành viên  
  
 Nguyễn Văn Hạnh

Kế toán trưởng

*Phan Thị Thanh Hương*

Phan Thị Thanh Hương  
 TM.UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH  
 KT.CHỦ TỊCH  
 PHÓ CHỦ TỊCH

  
 Nguyễn Văn Hồng

Giám đốc doanh nghiệp  
  
 Lý Minh Sơn

**TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2014**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

(ĐVT: Tr.đồng)

Chỉ tiêu	Dự đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Dự cuối năm
1. Quỹ Đầu tư phát triển	1.725	205		1.930
2. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	1.277	7.000	3.221	5.056
3. Quỹ thưởng VCQLDN	177	250	103	324
4. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp DN				
5. Quỹ phát triển KH&CN	51	56		107

**Thuyết minh tăng giảm quỹ trong năm** (riêng các quỹ đặc thù được trích theo quy định của pháp luật phải giải trình cơ sở pháp lý, nguồn trích, cơ chế sử dụng).

1. Quỹ Đầu tư phát triển: Trích tối thiểu 5% lợi nhuận sau thuế theo nghị quyết Hội đồng thành viên số 02/NQ-HĐTV-DVCI ngày 14/03/2014: (4.106 x 5%) = 205 triệu đồng
2. Quỹ Khen thưởng phúc lợi: Tăng do tạm trích quỹ khen thưởng và phúc lợi năm 2012, 2013; Giảm do chi khen thưởng và các khoản phúc lợi theo Thỏa ước lao động tập thể.
3. Quỹ thưởng VCQLDN: Tăng do tạm trích quỹ thưởng VCQLDN năm 2012; Giảm do khen thưởng ABC và điều chỉnh các khoản thưởng của năm 2013.
5. Quỹ PT KH&CN: Trích lập theo quy định tại Thông tư 15/2011/TT-BTC ngày 09/02/2011; 105/2012/TT-BTC ngày 25/6/2012 của Bộ Tài chính và theo nghị quyết Hội đồng thành viên số 26A/NQ-HĐTV-DVCI ngày 27/08/2013: 56 triệu đồng.

Hội đồng thành viên  
  
 Nguyễn Văn Hạnh

Kế toán trưởng

*Phan Thị Thanh Hương*

Phan Thị Thanh Hương  
 TM.UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH  
 KT.CHỦ TỊCH  
 PHÓ CHỦ TỊCH

  
 Nguyễn Văn Hồng

Giám đốc doanh nghiệp  
  
 Lý Minh Sơn

**ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP NĂM 2014**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dịch vụ công ích huyện Bình Chánh

Doanh nghiệp công ích

TT	Chỉ tiêu 1 (tr. đồng)			Chỉ tiêu 3			Chỉ tiêu 4 Xếp loại	Chỉ tiêu 5 Xếp loại	Xếp loại DN
	Doanh thu và thu nhập khác			Khả năng thanh toán nợ đến hạn					
	KH	TH	Xếp loại	TSNH (tr.đồng)	Nợ NH (tr.đồng)	TSNH/NNH (lần)			
1	108.952	116.664	A	41.799	33.387	1,25	A	A	A

**Ghi chú:** Tỷ trọng doanh thu thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích của nhà nước lớn hơn 70%, cụ thể: Doanh thu công ích / Tổng doanh thu: 89.869 triệu đồng / 116.664 triệu đồng = 77,03%

Nợ ngắn hạn 54.459 triệu đồng trừ các khoản thu hộ ngân sách 16.072 triệu đồng (khu Tái định cư 30ha Vĩnh Lộc B) và tạm ứng ngân sách Thành phố để thanh toán các khoản chi phí phát sinh cho công tác quản lý vận hành khu tái định cư 30 Ha Vĩnh Lộc B 5.000 triệu đồng --> Nợ ngắn hạn = 54.459 - 16.072 - 5.000 = 33.387 triệu đồng.

Tài sản ngắn hạn 52.913 trừ khoản thu hộ ngân sách 11.114 triệu đồng (các khu tái định cư 2Ha, 3Ha Tân Túc, 30Ha Vĩnh Lộc B) --> Tài sản ngắn hạn = 52.913 - 11.114 = 41.799 triệu đồng

Nếu loại trừ khoản thu hộ ngân sách và tạm ứng ngân sách như trên thì: Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn = 41.799 / 33.387 = 1,25 lần

Các khoản nợ phải trả đã quá hạn thanh toán (1.022 triệu đồng) là các khoản nợ liên quan hoạt động dự án do Công ty làm chủ đầu tư (thu chi hộ NSNN), không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các khoản nợ này chủ yếu là các khoản bảo hành dự án, đang chờ quyết toán công trình, sẽ thanh toán cho nhà thầu khi đã có biên bản kết thúc bảo hành. Nếu loại trừ các khoản nợ của hoạt động dự án thì Công ty không có nợ phải trả đã quá hạn thanh toán.

Hội đồng thành viên  
  
 Nguyễn Văn Hạnh

Kế toán trưởng



Phan Thị Thanh Hương

TM.UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH

KT.CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

  
 Nguyễn Văn Hồng

Giám đốc doanh nghiệp  
  
 Lý Minh Sơn

**ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP NĂM 2014**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dịch vụ công ích huyện Bình Chánh

Doanh nghiệp công ích

TT	Tên doanh nghiệp	Tỷ suất Lợi nhuận / Vốn CSH			Kết quả xếp loại Doanh nghiệp	Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của VCQL	Xếp loại hoạt động VCQL Doanh nghiệp
		Kế hoạch	Thực hiện	% Thực hiện / Kế hoạch			
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Cty TNHH MTV Dịch vụ Công ích huyện Bình Chánh	58,81	62,95	107,04	A	Thực hiện tốt	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

**Ghi chú:** Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của Viên chức quản lý được phân loại theo các mức độ: Thực hiện tốt, Không thực hiện tốt và theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ

Kế hoạch tài chính năm 2014 do UBND/TP giao: Doanh thu 108.952 triệu đồng, Lợi nhuận: 4.930 triệu đồng. Tổng vốn Nhà nước kế hoạch 2014 = Tổng vốn nhà nước cuối kỳ 2013 = 8.383

Kết quả thực hiện năm 2014: Doanh thu 116.664 triệu đồng, Lợi nhuận: 5.309 triệu đồng. Tổng vốn Nhà nước bình quân: 8.434 triệu đồng

Hội đồng thành viên  
  
 Nguyễn Văn Hạnh

Kế toán trưởng



Phan Thị Thanh Hương

TM.UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH

KT.CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

  
 Nguyễn Văn Hồng

Giám đốc doanh nghiệp  
  
 Lý Minh Sơn

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2013	Năm 2014	$\frac{2014}{2013}$
<b>I</b>	<b>TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH</b>			
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	105.083.606.600	115.733.878.368	110,14%
	<i>Trong đó: Doanh thu hoạt động công ích</i>	76.499.433.508	89.869.490.105	117,48%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	12.304.991	-	
3	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	105.071.301.609	115.733.878.368	110,15%
4	Giá vốn hàng bán	94.441.171.147	104.812.113.390	110,98%
5	Doanh thu tài chính	83.660.837	38.661.400	46,21%
6	Chi phí tài chính			
	<i>Trong đó: Lãi vay phải trả</i>			
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.701.524.279	6.472.895.186	113,53%
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	5.012.267.020	4.487.531.192	89,53%
9	Thu nhập khác		891.803.688	
10	Chi phí khác	5.666.166	70.000.000	1235,40%
11	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>5.006.600.854</b>	<b>5.309.334.880</b>	<b>106,05%</b>
12	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.256.912.309	1.203.618.853	95,76%
13	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>3.749.688.545</b>	<b>4.105.716.027</b>	<b>109,49%</b>
<b>II</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN NHÀ NƯỚC</b>	<b>8.383.006.227</b>	<b>8.588.292.028</b>	<b>102,45%</b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (MS 411)	6.657.521.800	6.657.521.800	100,00%
2	Quỹ đầu tư phát triển (MS 417)	1.725.484.427	1.930.770.228	111,90%
3	Nguồn vốn đầu tư XDCB (MS 421)			
4	<b>Vốn nhà nước bình quân năm</b>	<b>7.088.892.907</b>	<b>8.434.327.677</b>	<b>118,98%</b>
<b>III</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ QUÁ HẠN VÀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN NỢ ĐẾN HẠN</b>			
1	Nợ phải trả quá hạn (hoạt động dự án)		1.022.284.000	
2	Nợ ngắn hạn (MS 310)	31.452.244.557	54.458.832.766	173,15%
	<i>Trong đó: - thu chi hộ NSNN</i>		16.072.263.587	
	<i>- tạm ứng NSNN</i>		5.000.000.000	
3	Tài sản lưu động (MS 100)	42.001.238.522	52.913.184.112	125,98%
	<i>Trong đó: - thu chi hộ NSNN</i>		11.113.721.472	
4	<b>Khả năng thanh toán nợ đến hạn (trừ thu chi hộ NSNN)</b>	<b>1,34</b>	<b>1,25</b>	<b>93,43%</b>
<b>IV</b>	<b>HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN</b>			
1	Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu (ROA)	70,63	62,95	89,13%
2	Tỷ suất lợi nhuận/ Tổng tài sản (ROE)	9,33	9,89	106,05%

Bình Chánh, ngày 08 tháng 04 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN KHỐI LƯỢNG SẢN PHẨM NĂM 2014

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2013	Năm 2014		Tỷ lệ TH/KH
			Kế hoạch	Thực hiện	
	<b>SẢN LƯỢNG SẢN PHẨM CÔNG ÍCH</b>				
<b>A</b>	<b>Khối sự nghiệp</b>				
1	Vận chuyển rác (Tấn-Km)	2.198.583	2.198.583	2.249.444	102,31%
2	Quét, thu gom rác (m2 quy ước)	188.252.134	188.252.134	198.274.154	105,32%
	- Huyện Bình Chánh	166.402.654	166.402.654	176.424.674	
	- TTVH-TDĐT Bình Chánh	21.849.480	21.849.480	21.849.480	
3	Quản lý chăm sóc công viên cây xanh	337.580	337.580	321.791	95,32%
	- Thảm cỏ & bồn hoa (m2)	335.346	335.346	319.596	
	- Cây xanh & kiểng các loại (cây)	2.234	2.234	2.195	
4	Quản lý cầu đường không vật tư (m)	277.945	255.923	255.740	99,93%
5	QDVS TTTM Bình Điền (m2)	245.665.527	245.665.527	245.477.713	99,92%
<b>B</b>	<b>Khối CT công cộng (HMCT)</b>	<b>81</b>	<b>82</b>	<b>93</b>	<b>113,41%</b>
1	XD & SC công trình công cộng	6	7	8	114,29%
2	XD & SC trường lớp	46	47	29	61,70%
3	XD & nạo vét kênh, cống thoát nước	7	4	-	0,00%
4	Nâng cấp, dặm vá & SC cầu đường	13	9	10	111,11%
5	Khác	9	15	46	306,67%

Bình Chánh, ngày 08 tháng 04 năm 2015

Phụ lục 3

**SỐ LIỆU PHỤC VỤ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP  
(TÍNH VỐN NHÀ NƯỚC BÌNH QUÂN NĂM 2014)**

(Theo Nghị định 61/2013/NĐ-CP ngày 25/06/2013 của Chính Phủ  
và Thông tư 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài Chính)

(ĐVT: đồng)

	Vốn đầu tư CSH (MS 411)	Quỹ ĐTP (MS 417)	Nguồn vốn XDCB (MS 421)	Tổng nguồn vốn	Vốn NN bình quân năm
<b>NĂM 2014</b>	<b>6.825.224.511</b>	<b>1.776.805.877</b>	-	<b>34.408.121.552</b>	<b>8.602.030.388</b>
Quý I	6.826.641.745	1.725.484.427		8.552.126.172	
Quý II	6.826.641.745	1.725.484.427		8.552.126.172	
Quý III	6.826.641.745	1.725.484.427		8.552.126.172	
Quý IV	6.820.972.808	1.930.770.228		8.751.743.036	
Trong đó nhà SHNN					
Quý I	169.119.945				
Quý II	169.119.945				
Quý III	169.119.945				
Quý IV	163.451.008				
<b>NĂM 2014</b>	<b>6.657.521.800</b>	<b>1.776.805.877</b>	-	<b>33.737.310.709</b>	<b>8.434.327.677</b>
<b>(Trừ quỹ nhà SHNN)</b>					
Quý I	6.657.521.800	1.725.484.427		8.383.006.227	
Quý II	6.657.521.800	1.725.484.427		8.383.006.227	
Quý III	6.657.521.800	1.725.484.427		8.383.006.227	
Quý IV	6.657.521.800	1.930.770.228		8.588.292.028	

Bình Chánh, ngày 08 tháng 04 năm 2015

Phụ lục 4

**DỰ KIẾN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2014**

(ĐVT: 1.000 đ)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
1	Lợi nhuận thực hiện	5.006.601	5.309.335	
2	Lợi nhuận chịu thuế			
	Thuế TNDN	1.256.912	1.203.619	
3	Lợi nhuận sau thuế	3.749.689	4.105.716	
4	Trích quỹ Dự phòng tài chính			Không trích
5	Lợi nhuận còn lại tăng vốn CSH	3.749.689	4.105.716	Cty không có vốn huy động
a	Trích quỹ Đầu tư phát triển	187.484	205.286	Cty tạm trích các quỹ do chưa có kết quả xếp loại 2012, 2013 và biên bản kiểm tra của CCTCDN
b	Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi	3.562.205	3.900.430	
c	Trích Quỹ thưởng BDH			
6	Lợi nhuận còn lại tăng vốn CSH	-		

**Ghi chú**

1	Quỹ lương thực hiện NLD		33.104.385	
	3 tháng lương thực hiện		8.276.096	
2	Quỹ lương thực hiện VCQL		2.262.000	
	1 tháng lương thực hiện		188.500	

Bình Chánh, ngày 08 tháng 04 năm 2015



**BẢNG THUYẾT MINH MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2014**

Phụ lục 5

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN BÌNH CHÁNH  
 Ngành nghề kinh doanh: DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG CÔNG ÍCH

<b>Kế hoạch</b>	<b>Thực hiện</b>
108.952.000.000	116.664.343.456
104.022.000.000	89.869.490.105
4.930.000.000	111.355.008.576
	5.309.334.880

chiếm tỷ lệ 77% trên doanh thu

0,770325

**PHẦN 1: KẾT QUẢ KINH DOANH**

CHỈ TIÊU	SDCK Q1/2013	SDCK Q2/2013	SDCK Q3/2013	SDCK 31/12/13
<b>TỔNG VỐN NHÀ NƯỚC</b>	<b>6.657.521.800</b>	<b>6.657.521.800</b>	<b>6.657.521.800</b>	<b>8.383.006.227</b>
1. Nguồn vốn kinh doanh	6.657.521.800	6.657.521.800	6.657.521.800	6.657.521.800
2. Quỹ đầu tư phát triển				1.725.484.427
3. Nguồn vốn đầu tư XDCB				

1. **Vốn Nhà nước cuối kỳ 2013 = kế hoạch 2014**  
 2. **Lợi nhuận kế hoạch**  
 3. **Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn Nhà nước kế hoạch** 58,81%

**PHẦN 2: TỶ SUẤT LỢI NHUẬN**

**A. KẾ HOẠCH**

CHỈ TIÊU	SDCK Q1/2014	SDCK Q2/2014	SDCK Q3/2014	SDCK 31/12/14	VỐN BÌNH QUẢN	TỶ LỆ
<b>TỔNG VỐN NHÀ NƯỚC</b>	<b>8.383.006.227</b>	<b>8.383.006.227</b>	<b>8.383.006.227</b>	<b>8.588.292.028</b>	<b>8.434.327.677</b>	<b>100,00%</b>
1. Nguồn vốn kinh doanh	6.657.521.800	6.657.521.800	6.657.521.800	6.657.521.800	6.657.521.800	78,93%
2. Quỹ đầu tư phát triển	1.725.484.427	1.725.484.427	1.725.484.427	1.930.770.228	1.776.805.877	21,07%
3. Nguồn vốn đầu tư XDCB						

1. **Vốn Nhà nước bình quân**  
 2. **Lợi nhuận thực hiện**  
 3. **Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn Nhà nước bình quân** 62,95%

**PHẦN 3: CÁC CHỈ TIÊU KHÁC**

- **Nợ phải trả quá hạn (hoạt động dự án)**  
 - **Khả năng thanh toán nợ đến hạn (trừ thu hộ - chi hộ NSNN)** 1,25

**B. THỰC HIỆN**

\* **Xác định Vốn Nhà nước**

Bình Chánh, ngày 08 tháng 04 năm 2015

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN BÌNH CHÁNH

Phụ lục 6

**DOANH THU CÔNG TRÌNH XDCB**

(tính chỉ tiêu công ích - Xếp loại doanh nghiệp năm 2014)

(ĐVT: đồng)

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH	DOANH THU	CHI PHÍ	LỢI NHUẬN
1	Trg MG Quỳnh Anh	409.454.545	391.029.090	18.425.455
2	Trg MG Hoa Phượng (điểm áp 1)	410.272.727	391.810.454	18.462.273
3	Trg MG Hoa Phượng (điểm áp 3)	121.000.000	115.555.000	5.445.000
4	Trg MN Quỳnh Hương	410.727.273	392.244.546	18.482.727
5	Trg MN Hoa Hồng	383.818.182	366.546.364	17.271.818
6	Trg MN Hoa Mai	208.527.273	199.143.546	9.383.727
7	Trg MN Baby	246.181.818	235.103.636	11.078.182
8	Trg MN HTLý 1	407.909.091	389.553.182	18.355.909
9	Trg MN Hương Dương	371.636.364	354.912.727	16.723.637
10	Trg MN Hoa Phượng 1	243.154.545	232.212.591	10.941.954
11	Trg MN 30-4	79.272.727	75.705.454	3.567.273
12	Trg MN Thủy Tiên 1	409.090.909	390.681.818	18.409.091
13	Trg TH Phong Phú	411.363.636	392.852.272	18.511.364
14	Trg TH Bình Hưng	413.727.273	395.109.546	18.617.727
15	Trg TH Qui Đức	383.909.091	366.633.182	17.275.909
16	Trg TH Cầu Xáng	1.312.066.365	1.253.023.378	59.042.987
17	Trg TH VLộc A	154.818.182	147.851.364	6.966.818
18	Trg TH TQT 3	411.363.636	392.852.272	18.511.364
19	Trg TH Võ văn Vân	162.727.273	155.404.546	7.322.727
20	Trg TH Ng văn Trần	102.818.182	98.192.863	4.625.319
21	Trg TH VLộc 2	221.181.818	211.228.636	9.953.182
22	Trg TH - Hlong	179.363.636	171.292.272	8.071.364
23	Trg TH VLộc B	321.272.727	306.815.454	14.457.273
24	Trg TH An Phú Tây	121.272.727	115.815.454	5.457.273
25	Trg THCS VLộc B	163.181.818	155.838.636	7.343.182
26	Trg THCS Đồng Đen	411.272.727	392.765.454	18.507.273
27	Trg THCS Ng văn Linh	963.223.636	919.875.000	43.348.636
28	Trg THCS Phong Phú	163.000.000	155.665.000	7.335.000
29	Trg THCS Hưng Long	529.856.364	506.012.827	23.843.537
30	SC, CT UBND xã APT	3.246.160.000	3.116.269.858	129.890.142
31	VPBND Áp 3 k.hợp tụ điểm SHVH	1.499.181.818	1.436.933.079	62.248.739
32	NC trạm y tế xã Q.Đức	3.261.025.455	3.118.956.739	142.068.716
33	XD trạm y tế Hlong	4.570.013.385	4.370.172.783	199.840.602
34	SC nhỏ trụ sở UBND HBC	94.850.000	91.056.000	3.794.000
35	SC, GC đập Hai Dấu xã ĐPhước	308.000.000	295.678.000	12.322.000
36	XD Nhà bia ghi danh LS xã Bình Hưng	1.629.803.636	1.556.462.000	73.341.636
37	XD VP BND Áp 1 xã Vĩnh Lộc A	1.128.708.182	1.077.916.000	50.792.182
38	NC hầm tổ 5 áp 4, xã QĐ	1.301.270.818	1.249.219.809	52.051.009
39	NC hầm tổ 1 áp 2, xã QĐ	2.009.443.636	1.931.882.333	77.561.303
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>29.175.921.475</b>	<b>27.916.273.165</b>	<b>1.259.648.310</b>

Bình Chánh, ngày 08 tháng 04 năm 2015